

Số: 02/2025/QĐST- DS.

Nghệ An, ngày 26 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

Với thành giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Xuân Thọ.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên họp:
Bà Phan Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 250/2025/TLST- VDS, ngày 26 tháng 11 năm 2025 về yêu cầu “ Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2025/QĐPH - ST, ngày 15 tháng 12 năm 2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976, nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1953, nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1930, nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Nghệ An (xin vắng mặt).

- Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 mất năng lực hành vi dân sự.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 25 tháng 11 năm 2025 và tại phiên họp người yêu cầu là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N1 có mẹ là bà Hoàng Thị V và bố là ông Nguyễn Văn T (ông T chết ngày 10/11/2007), bà N1 không có chồng và có 01 con là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976.

Bà N2 bị bệnh tâm thần, không điều khiển được hành vi dân sự từ khi ba tuổi, mặc dù đã được đi điều trị nhiều nơi nhưng bệnh tình không khỏi.

Ông N đã chăm sóc bà N2 từ khi bị bệnh cho đến nay.

Hiện nay mẹ bà N2 đã già yếu, bà N2 không có chồng và đang là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Nay ông N làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 bị mất năng lực hành vi dân sự để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị V trình bày:

Bà có con là Nguyễn Thị N1, sinh năm 1953. Bà N2 bị bệnh từ lâu mặc dù đã điều trị tích cực tại nhiều nơi nhưng cho đến nay bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Nay anh N là con bà N2 đề nghị Tòa án tuyên bố bà N2 mất năng lực hành vi dân sự thì B không có ý kiến gì. Việc giám hộ đề nghị Tòa án chỉ định anh N làm người giám hộ cho bà N2 vì Bà tuổi cao không đứng ra giám hộ được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An, phát biểu việc tuân theo pháp luật tại phiên họp và việc giải quyết việc dân sự:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Thẩm phán quyết định, đều tuân theo pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

Thứ nhất, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 25/11/2025 và bản tự khai ngày 10/12/2025 của anh Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 mất năng lực hành vi dân sự và đồng thời công nhận, chỉ định anh Nguyễn Văn N là người giám hộ đương nhiên cho Nguyễn Thị N1. Tại Kết luận giám định pháp y số 2305 ngày 10/12/2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền T kết luận:

+ Thời điểm hiện tại: Kết luận theo tiêu chuẩn y học: Chậm phát triển tâm thần nặng (F72 – ICD – 10)/ Câm điếc bẩm sinh (H91.3 – ICD – 10); Kết luận về năng lực hành vi dân sự: Mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 mất năng lực hành vi dân sự.

Thứ hai, anh Nguyễn Văn N có yêu cầu Tòa án chỉ định anh N làm người giám hộ cho bà Nguyễn Thị N1. Theo bản tự khai của bà Hoàng Thị V là mẹ của bà Nguyễn Thị N1 cũng đề nghị Tòa án chỉ định anh N làm người giám hộ cho bà N1 vì bà V tuổi cao không đứng ra giám hộ được. Bà N2 không có chồng, bố của

bà N2 là ông Nguyễn Văn T đã chết. Ông N là người con duy nhất và chăm sóc bà N2 từ trước đến nay.

Do vậy, căn cứ vào Điều 22, Điều 47, Điều 53 BLDS, Điều 376, 377, 378, Điều 35 BLTTDS; kiểm sát viên đề xuất chấp nhận toàn bộ yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 mất năng lực hành vi dân sự của anh Nguyễn Văn N.

Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu tiền lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Nghệ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Văn N và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị V đã được tổng đạt hợp lệ Q đình mở phiên họp và giấy triệu tập tham gia phiên họp nhưng ông Nguyễn Văn N có mặt, bà Hoàng Thị V có đơn xin vắng mặt phiên họp nên căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

Về nội dung:

[2] Căn cứ theo kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung c ầu số 2305/KLGĐ ngày 10/12/2015 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung, kết luận: Nguyễn Thị N1, thời điểm hiện tại:

a. Kết luận theo tiêu chuẩn y học: chậm phát triển tâm thần nặng (F72 – ICD -10) cam điếc bẩm sinh (H91.3 - ICD – 10).

b. Kết luận về năng lực hành vi dân sự: mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.

Do đó ông Nguyễn Văn N là con ruột của bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 mất năng lực hành vi dân sự là có cơ sở nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Dân sự.

[3] Về việc giám hộ: Do bà Nguyễn Thị N1 là người mất năng lực hành vi dân sự nên phải có người giám hộ theo quy định tại Điều 47, Điều 51 Bộ luật Dân sự.

Xét thấy bà Nguyễn Thị N1 không có chồng nên người giám hộ đương nhiên cho bà N1 là ông Nguyễn Văn N – con của N1, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Văn N có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57, 58, 59 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39; Điều 371, 372, 376, 378; khoản 1 Điều 149, Điều 150 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 22; điểm c khoản 1 Điều 47, Điều 51; khoản 2 Điều 53; Điều 57, 58, 59 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn N.

Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị N1, sinh ngày 28 tháng 03 năm 1953, nơi cư trú: xóm A, xã Q, tỉnh Nghệ An mất năng lực hành vi dân sự”.

2. Ông Nguyễn Văn N là người giám hộ đương nhiên của bà Nguyễn Thị N1.

Ông Nguyễn Văn N có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại Điều 57, 58, 59 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003167 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết.

5. Trường hợp bà Nguyễn Thị N1 không còn bị mất năng lực hành vi dân sự thì bà Nguyễn Thị N1 hoặc người có quyền lợi, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị N1 bị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Xuân Thọ

**TÒA ÁN NHÂN
DÂN.....(1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../...../QBDS-.....(2)

Ngày:.....-.....-.....(3)

V/v: (4).....

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) - Thẩm phán

Thẩm phán: Ông (Bà)(5)

Thẩm phán: Ông (Bà)(6)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà).....- Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân(7)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8).....tham gia phiên họp:

Ông (Bà).....- Kiểm sát viên.

Trong ngày..... tháng..... năm.....(9) tại.....(10) mở phiên họp
sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về yêu cầu(12) theo

Quyết định mở phiên họp số:...../...../QĐPH-.....(13)

ngày.....tháng..... năm.....

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:(14)

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:(15)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân
sự:(16)*

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:.....(17)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(18)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên
quan:(19)*

4. Người làm chứng:(20)

5. Người phiên dịch:(21)

6. Người giám định:(22)

7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:(23)

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra
tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án
(24) nhận định:(25)

-
-
-

Căn cứ:(26)

QUYẾT ĐỊNH

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp(27):

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án
(28).....

.....
.....

(29)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS

- (1) Ghi tên Tòa án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên).
- (2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi “Số:10/2016/QĐDS-ST”, nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi “Số:10/2016/QĐDS-PT”.
- (3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.
- (4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: “Tuyên bố một người mất tích”, “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”,...
- (5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.
- (7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự
- (8) Ghi tên Viện kiểm sát.
- (9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.
- (10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).
- (11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2016/TLST-DS).
- (12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tuyên bố một người mất tích”).
- (13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi “Số:10/2016/QĐPH-ST”, nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi “Số:10/2016/QĐPH-PT”.

(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH T1).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B1 trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L. nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).

(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.

(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.

(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.

(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án chính).

Thẩm phán

(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)

(Họ và tên)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì quyết định gốc cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự (quyết định này phải lưu vào hồ sơ việc dân sự); nếu là quyết định chính để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án chính).

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Thẩm phán - CHỦ TỌA phiên HỌP

(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)

(Họ và tên)

